

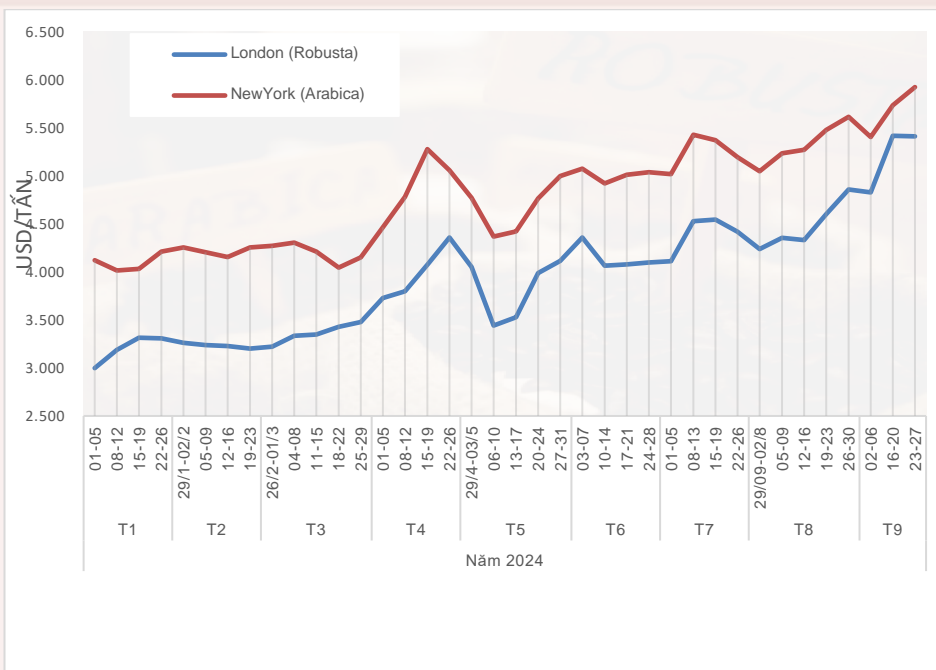
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 5.411 USD/tấn, tăng 0,1% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.926 USD/tấn, tăng 3,3% so với tuần trước.
- ❖ Theo dự báo từ công ty tư vấn Hedgepoint, sản lượng cà phê toàn cầu sẽ tiếp tục thiếu hụt trong năm thứ tư liên tiếp.
- ❖ Sản lượng cà phê của Colombia trong niên vụ 2024/2025 dự kiến tăng 15,04% so với niên vụ 2023/2024 đạt 13 triệu bao.
- ❖ Niên vụ 2024/2025 sản lượng cà phê của Indonesia ước đạt 11,5 triệu bao tăng 31,45% so với niên vụ 2023/2024.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 23 đến 27/09/2024, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2024 tại thị trường London đạt 5.411 USD/tấn, giảm 0,1% so với tuần trước và tăng 94,1% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.535 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.259 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 bình quân đạt 5.926 USD/tấn, tăng 3,3% so với mức giá tuần trước, và tăng 60,5% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.038 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.812 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tình hình sản xuất cà phê thế giới

Theo dự báo từ công ty tư vấn Hedgepoint, sản lượng cà phê toàn cầu sẽ tiếp tục thiếu hụt trong năm thứ tư liên tiếp, do tình trạng khô hạn kéo dài đã gây suy giảm sản lượng tại Brazil và Việt Nam, hai quốc gia sản xuất cà phê hàng đầu thế giới. Hedgepoint ước tính rằng sản lượng cà phê của Brazil trong niên vụ 2024/2025 sẽ chỉ đạt 63 triệu bao, giảm 3 triệu bao so với niên vụ trước. Tại Việt Nam, sản lượng cà phê dự kiến sẽ đạt 27 triệu bao, thấp hơn so với các dự báo trước đó.[2]

Cùng với quan điểm về ảnh hưởng của tình trạng khô hạn, Cơ quan Cung ứng Mùa vụ Brazil (CONAB) đã điều chỉnh giảm dự báo sản lượng cà phê thu hoạch trong năm 2024 của Brazil xuống còn 54,79 triệu bao, giảm hơn 4 triệu bao. Con số này giảm 0,51% so với năm 2023 và giảm gần 7% so với dự báo trước đó. Sản lượng cà phê Arabica giảm 2,52 triệu bao, trong khi cà phê Robusta giảm hơn 1,5 triệu bao, xuống còn 15,2 triệu bao, giảm 6% so với năm trước.[2]

Mặc dù dự báo thời tiết tại Brazil cho thấy có khả năng xuất hiện mưa trong thời gian tới, lượng mưa dự kiến không đủ để cải thiện tình trạng khô hạn tại một số khu vực. Dự kiến, phải đến giữa tháng 10/2024, tình hình lượng mưa tại Brazil mới có sự cải thiện rõ rệt. Tại Việt Nam, tình trạng khô nóng cũng đang gây tác động tiêu cực đến vụ thu hoạch sắp tới, trong khi mối lo ngại lớn hơn là hiện tượng thời tiết La Niña có thể gây ra mưa bão trong giai đoạn thu hoạch chính, dẫn đến sự gián đoạn trong quá trình thu hoạch và suy giảm sản lượng cà phê.[2]

Colombia

Theo Liên đoàn những người trồng cà phê tại Colombia, sản lượng cà phê của Colombia trong niên vụ 2024/2025 dự kiến tăng 15,04% so với niên vụ 2023/2024 đạt 13 triệu bao. Sản lượng cà phê của quốc gia này tăng do thời gian gần đây người dân đã thay thế các giống cà phê cũ bằng các giống mới có khả năng chống chịu khí hậu khắc nghiệt tốt hơn. Tính đến thời điểm hiện tại, 100.000 ha cà phê tại Colombia đã được thay thế và trồng mới bằng các giống mới, nâng tổng diện tích cà phê ở Colombia lên 842.000 ha.[3]

Uganda

Uganda là nước sản xuất cà phê Robusta hàng đầu ở châu Phi và là nhà xuất khẩu Robusta lớn

thứ tư trên thế giới dự kiến xuất khẩu khoảng 6,5 triệu bao cà phê trong niên vụ 2024/2025 tương đương với niên vụ 2023/2024. Sản lượng cà phê của quốc gia này trong niên vụ 2024/2025 ước đạt gần 6,5 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Robusta ước đạt 5,5 triệu bao, sản lượng cà phê Arabica đạt gần 1 triệu bao.[4]

Theo Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA), xuất khẩu cà phê của Uganda trong 11 tháng niên vụ 2023/2024 đạt 5,82 triệu bao và sẽ vượt mốc 6 triệu bao trong niên vụ 2023/2024.[4]

UCDA đã hợp tác với Sáng kiến Kinh doanh Nông nghiệp (aBi) để thiết kế và triển khai Kế hoạch Hành động Quốc gia nhằm tuân thủ Quy định Chống Rửa tiền của Liên minh Châu Âu (EUDR). Thông qua sáng kiến này, Chính phủ Uganda đã phân bổ 13,90 tỷ Shilling Uganda (khoảng 3,7 triệu USD) để thiết lập và thực hiện Hệ thống Truy xuất Nguồn gốc Quốc gia nhằm quản lý các quy trình tuân thủ EUDR. Mục tiêu đặt ra là đăng ký ít nhất một triệu nông dân với vị trí địa lý của họ đang sản xuất kinh doanh trước khi kết thúc năm 2024.[4]

Indonesia

Niên vụ 2024/2025 sản lượng cà phê của Indonesia ước đạt 11,5 triệu bao tăng 31,45% so với niên vụ 2023/2024, phần lớn sản lượng này được xuất khẩu. Trong đó, sản lượng cà phê chiếm 85% tổng sản lượng cà phê của quốc gia này. [4]

Tiêu thụ cà phê nội địa tại Indonesia ước đạt 4,8 triệu bao. Indonesia đang thúc đẩy các hoạt động rang xay và chế biến cà phê hòa tan phục vụ tiêu dùng nội địa và phục vụ xuất khẩu. [4]

Nguồn tham khảo:

[1]: <https://www.investing.com>

[2]: giacaphe.com

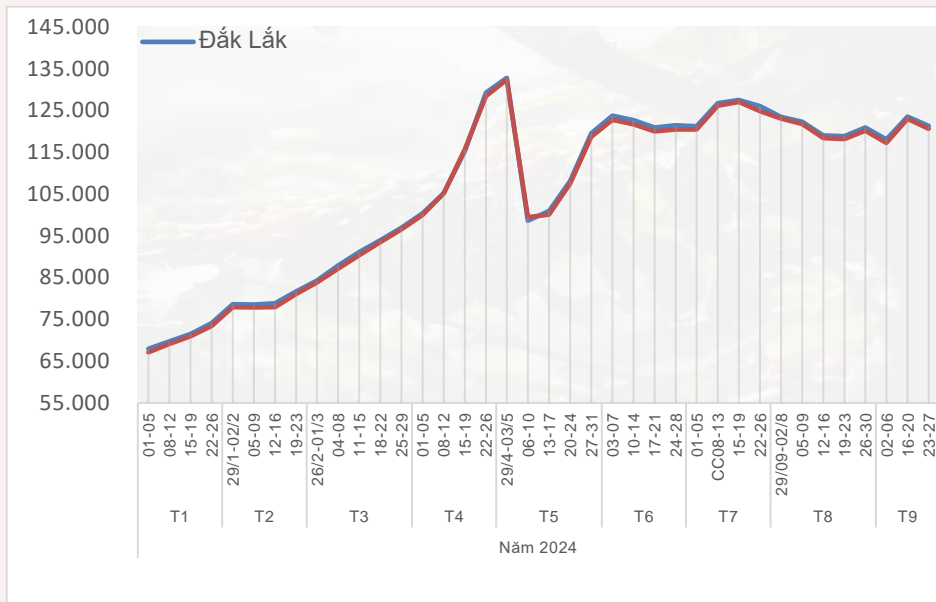
[3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](http://I. & M. Smith (Pty) Ltd.)

[4]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](http://I. & M. Smith (Pty) Ltd.)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên giảm so với tuần trước.
- ❖ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê Robusta Việt Nam sẽ giảm 1% trong mùa vụ tới, xuống còn 27,85 triệu bao.
- ❖ Niên vụ cà phê 2023/2024 Việt Nam xuất khẩu được 1,43 triệu tấn cà phê, kim ngạch khoảng 5,23 tỉ USD và giá xuất khẩu trung bình đạt 3.657 USD/tấn.
- ❖ Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê thứ ba cho Trung Quốc.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

DIỄN BIẾN GIÁ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH

Trong tuần từ 23 đến 27/09/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 121.293 VNĐ/kg, giảm 1,8% so với tuần trước, và tăng 82,47% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 122.533 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 119.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 120.620 VNĐ/kg, giảm 1,95% so với tuần trước, và tăng 82,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 121.600 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 119.500 VNĐ/kg. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2024/2025.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê Robusta Việt Nam sẽ giảm 1% trong mùa vụ tới, xuống còn 27,85 triệu bao (loại 60 kg). Tuy nhiên, con số này thấp hơn khoảng 9% so với mùa 2021/2022. Điều này phản ánh xu hướng giảm sản lượng trong dài hạn, trong khi nhu cầu khắp thế giới vẫn tiếp tục tăng.[2]

Việt Nam đang chiếm khoảng 30% nguồn cung Robusta toàn cầu, loại cà phê chủ yếu được sử dụng cho đồ uống hòa tan và pha trộn espresso. Tuy nhiên, tình trạng thời tiết bất thường, hạn hán kéo dài sau đó là nhiều tuần mưa lớn, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều

vùng trồng ngay trước thềm vụ thu hoạch sắp bắt đầu vào tháng 10.[3]

Diện tích trồng cà phê ở Việt Nam đang giảm do nông dân chuyển sang các loại cây trồng thay thế như sầu riêng và bơ trong vài năm qua. Theo một báo cáo của USDA, nguồn nước ngầm và tỷ bóng râm giảm cũng đặt ra thách thức đối với phát triển cà phê ở Việt Nam khi nhiều nông dân dựa vào giếng khoan để tưới tiêu và che phủ rừng giúp giảm bốc hơi.[3]

Diện tích đất trồng cà phê ở Việt Nam đã giảm do nông dân chuyển sang các loại cây trồng thay thế như sầu riêng và bơ trong vài năm qua. Theo báo cáo của USDA, tình trạng nước ngầm và bóng râm giảm cũng đặt ra những thách thức lâu dài vì nhiều nông dân Việt Nam dựa vào giếng để tưới tiêu và rừng che phủ giúp làm chậm quá trình bốc hơi.[3]

Thực trạng xuất khẩu cà phê Việt Nam niên vụ 2023/2024.

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), niên vụ cà phê 2023/2024 sắp kết thúc (chỉ còn nửa tháng cuối tháng 9) với kết quả Việt Nam xuất khẩu được 1,43 triệu tấn cà phê, kim ngạch khoảng 5,23 tỉ USD. Tính ra, giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam trung bình 3.657 USD/tấn ở niên vụ này. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê nhân Robusta, Arabica, cà phê nhân đã khử caffeine và cà phê chế biến (rang xay, hòa tan)...[4]

Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê thứ ba cho Trung Quốc.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), cho biết trong 7 tháng đầu năm, Trung Quốc đã nhập khẩu 160,5 nghìn tấn cà phê các loại, trị giá 823,9 triệu USD, tăng 67% về lượng và tăng 45,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.[5]

Trung Quốc nhập khẩu cà phê từ 63 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê đứng thứ ba cho Trung Quốc, với khối lượng đạt 24,3 nghìn tấn, trị giá 119,7 triệu USD, tăng 13% về lượng và tăng 46,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả này, Việt Nam hiện đang chiếm 15,1% trong tổng lượng cà phê nhập khẩu của Trung Quốc.[3]

Giá bình quân nhập khẩu cà phê của Trung Quốc từ Việt Nam tăng mạnh 29,7% so với cùng kỳ năm

2023, lên mức 4.925 USD/tấn. Trong khi đó, giá bình quân nhập khẩu từ một số nguồn cung cấp hàng đầu khác như Brazil, Colombia, Malaysia lại giảm.[5]

Những điểm lưu ý về Quy định Chống Rửa rỗng của EU (EUDR) trong chuỗi giá trị cà phê.

Nhằm thúc đẩy tính bền vững của ngành cà phê và tăng cường sinh kế của người nông dân, đặc biệt là trong bối cảnh các yêu cầu pháp lý mới ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh cà phê trên toàn cầu, Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) đã giới thiệu bản hướng dẫn về Quy định EUDR và những tác động của quy định trong ngành cà phê từ góc độ trao đổi dữ liệu, trao đổi những thách thức và cơ hội (của ngành cà phê).

Theo yêu cầu trong EUDR, kể từ 30/12/2024, các nhà rang xay và thu mua cà phê muốn đưa sản phẩm vào EU phải nộp Tuyên bố thẩm định, cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm và chuỗi sản xuất, chứng minh cà phê không liên quan đến phá rừng.

Nội dung bắt buộc trong Tuyên bố thẩm định bao gồm: (1) Thông tin sản phẩm (tên thương mại, chủng loại, số lượng); (2) Nguồn gốc xuất xứ và tọa độ địa lý các thửa đất sản xuất; (3) Thông tin chi tiết về các bên trong chuỗi cung ứng và phân phối.; (4) Bằng chứng về tuân thủ pháp luật, môi trường và quyền sử dụng đất. Sản phẩm không đáp ứng yêu cầu EUDR sẽ bị từ chối tại EU. Các nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm lưu giữ dữ liệu trong 5 năm và đảm bảo tính chính xác, minh bạch của thông tin.

Hiện nay, có nhiều ứng dụng và công nghệ hỗ trợ như bản đồ địa chính, truy xuất nguồn gốc và bản đồ phá rừng đang được phát triển để hỗ trợ việc tuân thủ EUDR.

Tất cả các bên liên quan trong chuỗi giá trị này sẽ phải điều chỉnh hoạt động của mình và bắt đầu trao đổi Thông tin EUDR với nhau. Mặc dù EUDR đặt ra nhiều thách thức mới, việc tuân thủ sẽ tạo ra cơ hội mở rộng thị trường cà phê tại EU.

Nguồn tham khảo:

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Báo Công Thương](#)
- [3]: [Doanh nghiệp và Kinh doanh](#)
- [4]: cafef.vn
- [5]: [Doanh nghiệp và Thương hiệu](#)
- [6]: [Báo Nông nghiệp](#)

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	119.500	121.000	120.000	121.000	121.600	120.620	-2.400
Di Linh	119.500	121.000	120.000	121.000	121.600	120.620	-2.400
Lâm Hà	119.500	121.000	120.000	121.000	121.600	120.620	-2.400
Bảo Lộc	119.500	121.000	120.000	121.000	121.600	120.620	-2.400
ĐẮK LẮK	119.933	121.433	120.633	121.933	122.533	121.293	-2.227
Cư M'gar	120.000	121.500	120.700	122.000	122.600	121.360	-2.200
Ea H'leo	119.900	121.400	120.600	121.900	122.500	121.260	-2.240
Buôn Hồ	119.900	121.400	120.600	121.900	122.500	121.260	-2.240
ĐẮK NÔNG	120.000	121.550	120.750	121.950	121.550	121.160	-2.460
Gia Nghĩa	120.000	121.600	120.800	122.000	121.600	121.200	-2.460
Đắk R'lấp	120.000	121.500	120.700	121.900	121.500	121.120	-2.460
GIA LAI	119.933	121.333	120.633	120.733	121.333	120.793	-2.620
Chư Prông	120.000	121.400	120.700	120.800	121.400	120.860	-2.620
Pleiku	119.900	121.300	120.600	120.700	121.300	120.760	-2.620
La Grai	119.900	121.300	120.600	120.700	121.300	120.760	-2.620
KON TUM	120.000	121.400	120.700	120.800	121.400	120.860	-2.620
Đắk Hà	120.000	121.400	120.700	120.800	121.400	120.860	-2.620

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

